

Số: 2271 /TB-ĐHTCM-TS2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Ngưỡng đầu vào và bảng quy đổi điểm trúng tuyển tương đương giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2025 của Trường Đại học Tài chính - Marketing

Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học chính quy Trường Đại học Tài chính - Marketing thông báo ngưỡng đầu vào và bảng quy đổi điểm trúng tuyển tương đương giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Mã tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh:

a) Mã tuyển sinh của Trường: DMS

b) Phạm vi tuyển sinh: Trường tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc.

2. Các phương thức xét tuyển quy đổi điểm trúng tuyển tương đương:

- Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp trung học phổ thông (học bạ) (*Phương thức xét tuyển 2*).

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (*Phương thức xét tuyển 3*).

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT-UFM) phục vụ tuyển sinh của Trường Đại học Tài chính - Marketing và kết quả thi V-SAT của các trường có ký kết hợp tác với Trường Đại học Tài chính - Marketing (*Phương thức xét tuyển 4*).

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (*Phương thức xét tuyển 5*).

3. Ngưỡng đầu vào:

Xem Phụ lục 1 kèm theo.

4. Bảng quy đổi điểm trúng tuyển tương đương giữa các phương thức xét tuyển:

Xem Phụ lục 2, 3 và 4 kèm theo.

5. Thông tin liên lạc:

Mọi thông tin về tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp, việc làm, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của Trường, thí sinh xem tại <https://ufm.edu.vn/>, <https://tuyensinh.ufm.edu.vn/>, hoặc liên lạc:

+ Trụ sở chính: Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Tài chính - Marketing; số 778 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cơ sở 27 Tân Mỹ: Văn phòng Hỗ trợ người học; Phòng A.207, số 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3772.0406 - 3772.0407 - 3772.0404

Email: dms@ufm.edu.vn

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- HĐTS năm 2025;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Thông báo, website;
- Lưu: VT, QLĐT. ✓



PHỤ LỤC 1
NGƯỠNG ĐẦU VÀO ĐỐI VỚI CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

(Kèm theo Thông báo số ~~214~~ /TB-ĐHTCM-TS2025 ngày 22 tháng 7 năm 2025
của Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học chính quy năm 2025
Trường Đại học Tài chính - Marketing)

STT	Phương thức xét tuyển	Ngưỡng đầu vào	
		Ngành Luật kinh tế	Các ngành xét tuyển khác của Trường*
1	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ)	Tổng điểm trung bình của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển: 18,00 điểm (theo thang điểm 30) và Điểm trung bình môn Toán từ 6,0 điểm trở lên, nếu tổ hợp xét có môn Toán và Ngữ Văn thì hoặc môn Toán hoặc môn Ngữ văn có điểm từ 6,0 trở lên (theo thang điểm 10)	Tổng điểm trung bình của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển: 18,00 điểm (theo thang điểm 30)
2	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025	Điểm thi 720,00 điểm (theo thang điểm 1.200)	Điểm thi 600,00 điểm (theo thang điểm 1.200)

STT	Phương thức xét tuyển	Ngưỡng đầu vào	
		Ngành Luật kinh tế	Các ngành xét tuyển khác của Trường*
3	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) năm 2025	Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển: 270,00 điểm (theo thang điểm 450) và Điểm thi môn Toán từ 90,00 điểm trở lên, nếu tổ hợp xét có môn Toán và Ngữ Văn thì hoặc môn Toán hoặc môn Ngữ văn có điểm từ 90,00 trở lên (theo thang điểm 150) (Không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 15,00 điểm trở xuống)	Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển: 225,00 điểm (theo thang điểm 450) (Không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 15,00 điểm trở xuống)
4	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển: 18,00 điểm (theo thang điểm 30) và Điểm thi môn Toán từ 6,0 điểm trở lên, nếu tổ hợp xét có môn Toán và Ngữ Văn thì hoặc môn Toán hoặc môn Ngữ văn có điểm từ 6,0 trở lên (theo thang điểm 10) (Không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,00 điểm trở xuống; ngưỡng đầu vào áp dụng chung đối với kết quả thi theo đề thi của Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 và Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành)	Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển: 15,00 điểm (theo thang điểm 30) (Không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,00 điểm trở xuống; ngưỡng đầu vào áp dụng chung đối với kết quả thi theo đề thi của Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 và Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành)

Các ngưỡng đầu vào nêu trên được áp dụng cho các chương trình đào tạo (*chương trình chuẩn, chương trình định hướng đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần (định hướng quốc tế)*), không nhân hệ số, được làm tròn đến hai chữ số thập phân, chưa bao gồm các mức điểm ưu tiên theo đối tượng, khu vực.

Dấu *: Bao gồm các ngành (trừ ngành Luật kinh tế): Bất động sản, Công nghệ tài chính, Hệ thống thông tin quản lý, Kế toán, Kiểm toán, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế, Khoa học dữ liệu, Marketing, Ngôn ngữ Anh, Quản lý kinh tế, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Tài chính - Ngân hàng, Toán kinh tế.





PHỤ LỤC 2
QUY TẮC QUY ĐỔI ĐIỂM TRUNG TUYỂN TƯƠNG ĐƯƠNG
GIỮA PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN 3 VÀ 5

(Kèm theo Thông báo số 274/TB-ĐHTCM-TS2025 ngày 22 tháng 7 năm 2025
của Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học chính quy năm 2025
Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Khoảng phân vị	Đánh giá năng lực ĐHQG TP.HCM năm 2025 (thang 1200)	Điểm thi tốt nghiệp THPT (thang 30)
Khoảng 1	1000 - 1122	27,50 – 30,00
Khoảng 2	933 - 999	24,75 – 27,49
Khoảng 3	887 - 932	23,00 – 24,74
Khoảng 4	816 - 886	20,75 – 22,99
Khoảng 5	653 - 815	17,10 – 20,74
Khoảng 6	600 - 652	15,00 – 17,09

Công thức quy đổi từ $x \in [m, n]$ về $y \in [a, b]$ là:

$$y = a + \frac{(x - m)}{(n - m)} * (b - a)$$

Trong đó:

- y là điểm của phương thức gốc (phương thức điểm thi tốt nghiệp THPT)

- x là điểm của phương thức cân quy đổi
- m là điểm bắt đầu của khoảng điểm phương thức cân quy đổi
- n là điểm kết thúc của khoảng điểm phương thức cân quy đổi
- a là điểm bắt đầu của khoảng điểm tương ứng phương thức gốc
- b là điểm kết thúc của khoảng điểm tương ứng phương thức gốc



PHỤ LỤC 3
QUY TẮC QUY ĐỔI ĐIỂM THỬ TUYÊN TƯƠNG ĐƯƠNG
GIỮA PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN 4 VÀ 5

(Kèm theo Thông báo số 274/TB-ĐHTCM-TS2025 ngày 22 tháng 7 năm 2025
 của Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học chính quy năm 2025
 Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Quy đổi điểm thi các môn thi V-SAT sang điểm thi tốt nghiệp THPT theo phương pháp bách phân vị, kết hợp phép nội suy tuyến tính để quy đổi các mức điểm tương đương theo thứ hạng phần trăm.

Thứ hạng (%)	Khoảng	Toán	
		V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$132 < x \leq 150$	$8,5 < y \leq 10$
5%	Khoảng 2	$128,5 < x \leq 132$	$8,1 < y \leq 8,5$
10%	Khoảng 3	$122,5 < x \leq 128,5$	$7,75 < y \leq 8,1$
20%	Khoảng 4	$114,5 < x \leq 122,5$	$7,0 < y \leq 7,75$
30%	Khoảng 5	$108 < x \leq 114,5$	$6,6 < y \leq 7,0$
40%	Khoảng 6	$102,5 < x \leq 108$	$6,25 < y \leq 6,6$
50%	Khoảng 7	$97 < x \leq 102,5$	$6,0 < y \leq 6,25$
60%	Khoảng 8	$91 < x \leq 97$	$5,6 < y \leq 6,0$
70%	Khoảng 9	$85 < x \leq 91$	$5,25 < y \leq 5,6$
80%	Khoảng 10	$77 < x \leq 85$	$5,0 < y \leq 5,25$

90%	Khoảng 11	$68 < x \leq 77$	$4,5 < y \leq 5,0$
> 90%	Khoảng 12	$6 < x \leq 68$	$1,5 < y \leq 4,5$

Thứ hạng (%)	Khoảng	Vật li	
		V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$123 < x \leq 147$	$9,5 < y \leq 10$
5%	Khoảng 2	$118,5 < x \leq 123$	$9,25 < y \leq 9,5$
10%	Khoảng 3	$112,5 < x \leq 118,5$	$9,0 < y \leq 9,25$
20%	Khoảng 4	$105 < x \leq 112,5$	$8,5 < y \leq 9,0$
30%	Khoảng 5	$99,5 < x \leq 105$	$8 < y \leq 8,5$
40%	Khoảng 6	$94,5 < x \leq 99,5$	$7,75 < y \leq 8$
50%	Khoảng 7	$90 < x \leq 94,5$	$7,5 < y \leq 7,75$
60%	Khoảng 8	$85 < x \leq 90$	$7,25 < y \leq 7,5$
70%	Khoảng 9	$80 < x \leq 85$	$6,75 < y \leq 7,25$
80%	Khoảng 10	$74 < x \leq 80$	$6,35 < y \leq 6,75$
90%	Khoảng 11	$66,5 < x \leq 74$	$5,75 < y \leq 6,35$
> 90%	Khoảng 12	$17 < x \leq 66,5$	$3,05 < y \leq 5,75$

Thứ hạng (%)	Khoảng	Hóa học	
		V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$129 < x \leq 150$	$9,5 < y \leq 10$
5%	Khoảng 2	$124,5 < x \leq 129$	$9,25 < y \leq 9,5$
10%	Khoảng 3	$117 < x \leq 124,5$	$8,75 < y \leq 9,25$
20%	Khoảng 4	$107,5 < x \leq 117$	$8,25 < y \leq 8,75$
30%	Khoảng 5	$100,5 < x \leq 107,5$	$7,75 < y \leq 8,25$
40%	Khoảng 6	$94 < x \leq 100,5$	$7,25 < y \leq 7,75$
50%	Khoảng 7	$88 < x \leq 94$	$6,75 < y \leq 7,25$
60%	Khoảng 8	$81,5 < x \leq 88$	$6,25 < y \leq 6,75$
70%	Khoảng 9	$75,5 < x \leq 81,5$	$5,75 < y \leq 6,25$
80%	Khoảng 10	$68,5 < x \leq 75,5$	$5,25 < y \leq 5,75$
90%	Khoảng 11	$59,5 < x \leq 68,5$	$4,6 < y \leq 5,25$
> 90%	Khoảng 12	$20 < x \leq 59,5$	$1,35 < y \leq 4,6$

Thứ hạng (%)	Khoảng	Lịch sử	
		V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$133,5 < x \leq 150$	$9,75 < y \leq 10$
5%	Khoảng 2	$131 < x \leq 133,5$	$9,5 < y \leq 9,75$

10%	Khoảng 3	$126,5 < x \leq 131$	$9,25 < y \leq 9,5$
20%	Khoảng 4	$120,5 < x \leq 126,5$	$9 < y \leq 9,25$
30%	Khoảng 5	$115 < x \leq 120,5$	$8,5 < y \leq 9$
40%	Khoảng 6	$110 < x \leq 115$	$8,25 < y \leq 8,5$
50%	Khoảng 7	$105,5 < x \leq 110$	$8 < y \leq 8,25$
60%	Khoảng 8	$101 < x \leq 105,5$	$7,75 < y \leq 8$
70%	Khoảng 9	$95,5 < x \leq 101$	$7,5 < y \leq 7,75$
80%	Khoảng 10	$88,5 < x \leq 95,5$	$7 < y \leq 7,5$
90%	Khoảng 11	$79,5 < x \leq 88,5$	$6,35 < y \leq 7$
> 90%	Khoảng 12	$36,5 < x \leq 79,5$	$2,95 < y \leq 6,35$

Thứ hạng (%)	Khoảng	Địa lí	
		V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$124 < x \leq 141$	10
5%	Khoảng 2	$120,5 < x \leq 124$	10
10%	Khoảng 3	$115,5 < x \leq 120,5$	$9,75 < y \leq 10$
20%	Khoảng 4	$108,5 < x \leq 115,5$	$9,25 < y \leq 9,75$
30%	Khoảng 5	$103 < x \leq 108,5$	$9 < y \leq 9,25$

40%	Khoảng 6	$98,5 < x \leq 103$	$8,75 < y \leq 9$
50%	Khoảng 7	$94 < x \leq 98,5$	$8,5 < y \leq 8,75$
60%	Khoảng 8	$89,5 < x \leq 94$	$8,25 < y \leq 8,5$
70%	Khoảng 9	$84,5 < x \leq 89,5$	$7,75 < y \leq 8,25$
80%	Khoảng 10	$79 < x \leq 84,5$	$7,25 < y \leq 7,75$
90%	Khoảng 11	$71 < x \leq 79$	$6,5 < y \leq 7,25$
> 90%	Khoảng 12	$31 < x \leq 71$	$3 < y \leq 6,5$

Thứ hạng (%)	Khoảng	Tiếng Anh	
		V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$131 < x \leq 150$	$7,75 < y \leq 9,75$
5%	Khoảng 2	$127,5 < x \leq 131$	$7,5 < y \leq 7,75$
10%	Khoảng 3	$120,5 < x \leq 127,5$	$7 < y \leq 7,5$
20%	Khoảng 4	$112 < x \leq 120,5$	$6,5 < y \leq 7$
30%	Khoảng 5	$105 < x \leq 112$	$6 < y \leq 6,5$
40%	Khoảng 6	$98,5 < x \leq 105$	$5,75 < y \leq 6$
50%	Khoảng 7	$92 < x \leq 98,5$	$5,5 < y \leq 5,75$
60%	Khoảng 8	$85,5 < x \leq 92$	$5,25 < y \leq 5,5$

70%	Khoảng 9	$78,5 < x \leq 85,5$	$5 < y \leq 5,25$
80%	Khoảng 10	$70,5 < x \leq 78,5$	$4,5 < y \leq 5$
90%	Khoảng 11	$60 < x \leq 70,5$	$4 < y \leq 4,5$
> 90%	Khoảng 12	$20,5 < x \leq 60$	$1,25 < y \leq 4$

Thứ hạng (%)	Khoảng	Ngữ văn	
		V-SAT ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$129,5 < x \leq 146$	$9,25 < y \leq 9,75$
5%	Khoảng 2	$127,5 < x \leq 129,5$	$9,0 < y \leq 9,25$
10%	Khoảng 3	$124 < x \leq 127,5$	9,0
20%	Khoảng 4	$119,5 < x \leq 124$	$8,75 < y \leq 9,0$
30%	Khoảng 5	$115,5 < x \leq 119,5$	$8,5 < y \leq 8,75$
40%	Khoảng 6	$112,5 < x \leq 115,5$	$8,25 < y \leq 8,5$
50%	Khoảng 7	$109 < x \leq 112,5$	$8 < y \leq 8,25$
60%	Khoảng 8	$106 < x \leq 109$	$7,75 < y \leq 8,0$
70%	Khoảng 9	$102 < x \leq 106$	$7,5 < y \leq 7,75$
80%	Khoảng 10	$97 < x \leq 102$	$7,25 < y \leq 7,5$
90%	Khoảng 11	$90 < x \leq 97$	$6,75 < y \leq 7,25$

> 90%	Khoảng 12	$5 < x \leq 90$	$3,5 < y \leq 6,75$
-------	-----------	-----------------	---------------------

Công thức nội suy tuyến tính:

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} * (d - c)$$

Trong đó: x là điểm V-SAT của thí sinh; a, b là hai điểm mốc xác định khoảng điểm thi V-SAT ($a < x \leq b$); y là điểm quy đổi tương đương điểm tốt nghiệp THPT; c, d là hai điểm mốc xác định khoảng điểm tốt nghiệp THPT tương ứng ($c < y \leq d$).



PHỤ LỤC 4 QUY TẮC QUY ĐỔI ĐIỂM TRUNG TUYỂN TƯƠNG ĐƯƠNG GIỮA PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN 2 VÀ 5

(Kèm theo Thông báo số ~~224~~ /TB-DHTCM-TS2025 ngày ~~22~~ tháng 7 năm 2025
của Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học chính quy năm 2025
Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Quy đổi điểm học bạ THPT các môn học sang điểm thi tốt nghiệp THPT môn tương ứng.

Môn học	Điểm thi tốt nghiệp THPT (thang 10)	Điểm trung bình 3 năm THPT (học bạ; thang 10)
Toán	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán	(Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán) + 2,25
Ngữ văn	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn	(Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn) + 0,12
Vật lý	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Vật lý	(Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Vật lý) + 0,39
Hóa học	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Hóa học	(Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Hóa học) + 1,31
Lịch sử	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Lịch sử	(Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Lịch sử) + 1,17
Địa lý	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Địa lý	(Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Địa lý) + 0,87

Giáo dục kinh tế và pháp luật	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	(Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Giáo dục kinh tế và pháp luật) + 0,21
Tiếng Anh	Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh	(Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh) + 1,57

